

Số: /QĐ-TTPVHCC

Phước Bình, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách
06 tháng đầu năm 2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND phường Phước Bình về V/v giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn phường Phước Bình;

Căn cứ thông báo số 296/TB-UBND ngày 6/7/2026 của UBND phường Phước Bình V/v công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 06 tháng đầu năm 2026 của phường Phước Bình.

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí NSNN quý 2 năm 2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công ngày 01/07/2026;

Xét đề nghị của kế toán Trung tâm phục vụ hành chính công.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 06 tháng từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công (*Chi tiết công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán và số liệu theo biểu số 75 kèm*).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 được giao, các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Tập thể cán bộ công chức, người lao động thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng KTHT&ĐT;
- GD, PGD, CBCC TT;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Hiền

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trung tâm phục vụ hành chính công, công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Thực hiện 06 tháng /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 06 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5=4/3	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.409.074.247	1.063.502.885		
1	Chi quản lý hành chính	2.377.067.247	908.493.844		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	2.377.067.247	908.493.844	38,22%	98,06%
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên cải cách tiền lương	(72.000.000)			
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	392.007.000	109.831.754	28,02%	44%
1.3	Trừ tiết kiệm 10% hoạt động thường xuyên	(57.000.000)			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	513.000.000	0	0%	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	513.000.0000	0	%	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				

2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế	127.000.000	45.177.287	35.57%	36,72
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	127.000.000	45.177.287		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự				

	chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
11	Chi quốc phòng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
12	Chi An ninh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				

2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Phước Bình, Ngày tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ và tên, đóng dấu)

Phạm Thị Hiền

Phước Bình, ngày tháng 7 năm 2026

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN
SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHC ngày /7/2026
của Trung tâm phục vụ hành chính công)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ kết quả thực hiện dự toán chi ngân sách, Trung tâm phục vụ hành chính công, công khai số liệu và báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự ngân sách 06 tháng đầu năm 2026 như sau:

I. Tổng dự toán được giao trong năm: 3.409.074.247 đồng đã bao gồm dự toán chuyển nguồn 2025-2026. Trong đó kinh phí thực hiện giữ lại 10% tiết kiệm thường xuyên theo quy định là 129.000.000 đồng.

1. Tổng dự toán được sử dụng trong năm: 3.409.074.247 đồng cụ thể:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 2.377.067.247 đồng
- Kinh phí thực hiện không tự chủ: 397.007.000 đồng
- Kinh phí chi sự nghiệp kinh tế (không tự chủ): 127.000.000 đồng
- Kinh phí chi nhiệm vụ khoa học công nghệ: 513.000.000 đồng

2. Dự toán đã sử dụng:

Tổng dự toán đã chi trong 6 tháng đầu năm 2026 là 1.063.502.885 đồng đạt 31,19% so với dự toán giao. Trong đó

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 908.493.844 đồng đạt 38,22% so với dự toán được sử dụng

- Kinh phí thực hiện không tự chủ: 109.831.754 đồng đạt 28,02% so với dự toán được sử dụng.

- Kinh phí chi sự nghiệp kinh tế (không tự chủ): 45.177.287 đồng đạt 35,57% so với dự toán được sử dụng.

- Kinh phí chi nhiệm vụ khoa học công nghệ: 0 đồng đạt 0% so với dự toán được sử dụng.

Trung tâm phục vụ hành chính công tiếp tục thực hiện chi ngân sách theo đúng dự toán được duyệt, đảm bảo đúng chế độ, định mức quy định trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

